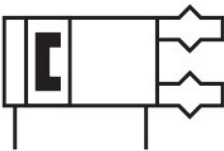
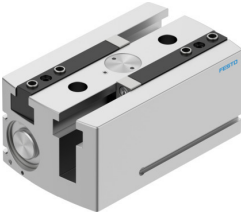


# Xy lanh kẹp loại song song HGPL-40-60-A-B

Số bộ phận: 3361489



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                             |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | 40                                                                                  |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                | 60 mm                                                                               |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                               | 0.2 mm                                                                              |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rừ, ay                          | 0.2 °                                                                               |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                     | 0.05 mm                                                                             |
| đối xứng quay                                              | 0.2 mm                                                                              |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                                   | 0.03 mm                                                                             |
| Số chấu kẹp                                                | 2                                                                                   |
| Loại bộ truyền động                                        | khí nén                                                                             |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                                              |
| Nguyên tắc vận hành                                        | tác động kép                                                                        |
| Chức năng kẹp                                              | Song song                                                                           |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                                   | không có                                                                            |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Pít tổng đôi<br>Dẫn hướng<br>thanh trượt pít tổng<br>Dạng T<br>Thanh răng/bánh răng |
| Phát hiện vị trí                                           | cho các công tắc gần                                                                |
| Áp suất vận hành                                           | 3 bar...8 bar                                                                       |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                             | 1 Hz                                                                                |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 430 ms                                                                              |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)         | 430 ms                                                                              |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài          | 420 g                                                                               |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                       |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                              |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 5 °C...60 °C                                                                        |
| Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)              | 1038 N                                                                              |
| Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)            | 1216 N                                                                              |
| Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 519 N                                                                               |

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                           |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 608 N                                                             |
| Mô-men quán tính khối lượng                                  | 118.3 kgcm <sup>2</sup>                                           |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tính                              | 2500 N                                                            |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tính          | 125 N m                                                           |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tính                       | 80 N m                                                            |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tính                       | 100 N m                                                           |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng              | 5 triệu lượt                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                                         | 4165 g                                                            |
| Kiểu gắn                                                     | với ren trong và vòng măng xông<br>với lỗ xuyên và vòng măng sông |
| Cổng nối khí nén                                             | M5                                                                |
| Ghi chú vật liệu                                             | Tuân thủ RoHS                                                     |
| Vật liệu vỏ                                                  | Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn                                    |
| Hàm kẹp vật liệu                                             | Thép cứng                                                         |